

Sơn La, ngày 12 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ III 2015 - 2020**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ C/ty;
- Căn cứ Kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;

Ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra, giám các hoạt động trong nhiệm kỳ III và kế hoạch nhiệm kỳ IV như sau:

I. Tổ chức bộ máy.

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III tổ chức ngày 14/12/2015 đã thực hiện các công việc:

- Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD nhiệm kỳ III;
- Bầu Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên;
- Bầu Ban kiểm soát gồm 3 thành viên;

II. Kết quả giám sát tình hình Hoạt động và Tài chính nhiệm kỳ III

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

1. Tài sản - Nguồn vốn

1.1. Tài sản - Nguồn vốn:

- Đầu năm 2016: 131.270.174.697 đồng;
- Cuối năm 2020: 162.000.000.000 đồng (Dự kiến).

1.2. Vốn chủ sở hữu:

- Đầu năm 2016: 67.348.010.385 đồng;
- Cuối năm 2020: 117.000.000.000 đồng (Dự kiến).

Tăng: 73,7%

2. Kết quả sản xuất kinh doanh 5 năm (2015 - 2020)

2.1. Tăng trưởng sản lượng:

- Tỷ lệ bao phủ dịch vụ đã được thực hiện tại hầu khắp các đô thị, đáp ứng đầy đủ nhu cầu dùng nước của khách hàng, do vậy sản lượng nước thương phẩm hàng năm tăng không nhiều, chỉ dao động từ hơn 10 triệu m³/năm đến 10,6 triệu m³/năm; Sản lượng năm 2020 tăng 3% so với năm 2016;
- Riêng năm 2019 là năm có sản lượng tăng đột biến, cao nhất từ trước đến nay, đạt 10,6 triệu m³;

2.2. Doanh thu:

- Doanh thu cấp nước: Tăng đều qua các năm theo tăng trưởng của sản lượng; Khoảng từ 110 tỷ đồng đến 118 tỷ đồng/năm;
- Doanh thu khác: Thường ổn định, từ 5 tỷ đồng/năm đến 7 tỷ đồng/năm;
- Tổng doanh thu hàng năm từ 117 tỷ đồng đến 123 tỷ đồng/năm;

2.3. Lợi nhuận sau thuế:

- Bắt đầu từ năm 2016, lợi nhuận sau thuế tăng cao so với trước, đạt gần 13 tỷ đồng/năm; Năm 2020 dự kiến đạt trên 17 tỷ đồng;
- Từ nguồn lợi nhuận, doanh nghiệp đã thực hiện việc trả cổ tức cho các cổ đông khoảng từ 10% đến 12,5%, còn lại phần lớn dành cho đầu tư phát triển (trích quỹ đầu tư phát triển);
- Năm 2020 thực hiện tăng vốn điều lệ từ 62,096 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông;

2.4. Tỷ lệ thất thoát nước:

- Những năm qua công tác chống thất thoát đã được Công ty làm tốt nên tỷ lệ thất thoát tiếp tục giảm từ 14,90% năm 2016 xuống 11,20% năm 2020;
- Việc giảm được tỷ lệ thất thoát giúp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận;
- Công ty là một trong những đơn vị ngành nước có tỷ lệ thất thoát nước thấp;

2.5. Tài sản và nguồn vốn:

- Tổng tài sản liên tục tăng qua các năm;
- Do làm tốt công tác thanh toán nên các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản, tình hình tài chính lành mạnh;
- Vốn chủ sở hữu không ngừng tăng, từ 67,3 tỷ đồng đầu năm 2016, cuối năm 2020 dự kiến đạt 117 tỷ đồng;

3. Hoạt động đầu tư:

Nguồn vốn tái đầu tư hình thành hàng năm từ trích khấu hao TSCĐ chủ yếu để trả nợ gốc tiền vay dự án ODA Pháp của thành phố và các dự án của Yên Châu, Mộc Châu, Sốp Cộp, chưa đầu tư để mở rộng địa bàn;

4. Tài chính kế toán:

Công tác Tài chính kế toán cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh, phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động trong năm tài chính về doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, các khoản phải thu, phải trả...

5. Đánh giá chung tình hình tài chính:

- Nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, lãnh đạo và điều hành doanh nghiệp đạt kết quả tốt, cơ bản hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra;
- Tình hình tài chính ổn định;
- Chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế, phí với nhà nước;
- Sắp xếp, tinh giảm lao động để tăng tiền lương, thu nhập cho công nhân viên;
- Đảm bảo hài hòa giữa việc trả cổ tức cho cổ đông và dành nguồn vốn cho đầu tư phát triển;

II. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp.

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên;
- Trong nhiệm kỳ có một vài sự thay đổi vì những lý do khác nhau; Đến cuối nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị gồm có các thành viên: Nguyễn Trọng Hiếu (Chủ tịch); Lương Thế Công (Phó chủ tịch); Nguyễn Văn Hồng; Lê Văn Tuấn; Nguyễn Anh Việt; Bùi Văn Đính; Nguyễn Văn Bá.

1.2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

- Theo Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần;
- Thực tế hàng năm Hội đồng quản trị phải tổ chức khá nhiều cuộc họp (kể cả trực tiếp và trực tuyến) để giải quyết các công việc phát sinh;

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Kết thúc cuộc họp, ban hành các Biên bản, Nghị quyết để triển khai thực hiện;

- Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, điều hành các hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, giúp doanh nghiệp ổn định sản xuất và kinh doanh có hiệu quả;
- Chưa xây dựng được kế hoạch phát triển dài hạn, về đầu tư mở rộng sản xuất, thường bị chi phối bởi các mục tiêu ngắn hạn; Việc đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước ra vùng ven đô thị để mở rộng địa bàn phục vụ chưa đạt kế hoạch;
- Một số thành viên Hội đồng quản trị ở xa Công ty nên việc lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp bị hạn chế;
- Các đề xuất của Ban điều hành đã được xem xét kịp thời, tuy nhiên cũng cần sâu sát hơn thực tế sản xuất tại Công ty;

2. Hoạt động của Ban điều hành:

Ban điều hành Công ty hiện nay gồm có: Tổng giám đốc; ba (03) Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

Kết quả thực hiện của Ban điều hành nhiệm kỳ qua:

- Chấp hành và tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế nội bộ công ty;
- Làm tốt công tác chống thất thoát nước, giữ tỷ lệ ở mức 11%;
- Hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tiết kiệm chi phí vận hành, chi phí sửa chữa, các chi phí khác, sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả;

III. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, trong nhiệm kỳ không có các khiếu nại của các cổ đông;
- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ pháp luật và quyền lợi của cổ đông.

IV. Cuộc họp của ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị.

1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát:

1.1. Thành viên Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm 3 thành viên: Trưởng ban (hoạt động chuyên trách) và 02 thành viên;
- Về phần vốn nhà nước còn lại tại doanh nghiệp, Sở Tài chính cử 01 cán bộ tham gia là thành viên Ban kiểm soát;

- Trong nhiệm kỳ có thay đổi một (01) thành viên là ông Nguyễn Quang Huy thay cho bà Giang Hồng Hạnh;

- Về cuối nhiệm kỳ, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 (Ngày 31/03/2019) đã bầu ông Kim Ngọc Nhiệm vào Ban kiểm soát thay cho ông Trần Quyết Chiến (chuyển sang làm công việc khác); Sau đó Ban kiểm soát đã bầu ông Nhiệm là Trưởng ban;

- Ban kiểm soát hiện nay gồm có: Kim Ngọc Nhiệm (Trưởng ban); Nguyễn Quang Huy; Bùi Hồng Nam;

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên triển khai kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

a. Kiểm soát Tài chính:

- Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính kế toán, kiểm tra giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực trong việc ghi chép, hạch toán, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán;

- Kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,...

- Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn đầu tư của các dự án;

- Thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập;

- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật; xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để bảo quyền lợi của các cổ đông;

- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính một số đơn vị cơ sở. Giúp đơn vị thực hiện tốt các quy chế của Công ty và kịp thời khắc phục những tồn tại thiếu sót.

b. Kiểm soát hoạt động:

- Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;

- Đối với Hội đồng quản trị:

Chủ tịch: Việc chuẩn bị nội dung, tài liệu họp; Chủ trì; Gợi ý tham gia và Kết luận từng vấn đề;

Thành viên: Kiến thức, năng lực; Phát biểu tham gia; Tranh luận; Phản biện; Thống nhất hoặc Bảo lưu ý kiến (nếu có);

Đánh giá: Chủ tịch và các thành viên HĐQT là những người có trình độ học vấn, chuyên môn, am hiểu ngành nước và nhiều lĩnh vực. Đưa ra các quyết định đúng, kịp thời, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với Ban điều hành:

Tổng giám đốc:

Việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

Tổ chức các cuộc họp của Ban điều hành; Nêu ra các vấn đề cần bàn bạc; Phát biểu quan điểm giải quyết và gợi ý; Tham khảo ý kiến của các thành viên; Tổng hợp ý kiến và kết luận;

Thành viên: Tham gia ý kiến theo từng lĩnh vực được phân công phụ trách; Tranh luận; Thống nhất;

Đánh giá: Ban Điều hành gồm 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên thuộc Hội đồng quản trị;

Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành là những người có trình độ, am hiểu ngành nước và các lĩnh vực khác, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;

Tham mưu với Hội đồng quản trị về việc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế, thúc đẩy sản xuất;

Thực hiện tốt công tác điều hành, sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả.

- Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp vào những nội dung về SXKD, đầu tư, sửa chữa và một số công việc khác của Công ty;

- Đề xuất với Hội đồng quản trị về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm đạt kết quả;

- Ban kiểm soát họp hàng quý theo quy chế;

- Ban kiểm soát chỉ có 01 thành viên chuyên trách, các thành viên khác hoạt động kiêm nhiệm và phân tán, do đó việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát có phần hạn chế;

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty, giúp cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao;

- Trong cả nhiệm kỳ, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

c. Kiểm soát tuân thủ:

- Theo từng lĩnh vực, Công ty đã ban hành các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế tại doanh nghiệp;

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể người lao động trong Công ty thực hiện tốt các quy chế nội bộ đã ban hành;

- Cơ chế quản lý nội bộ của Công ty khá hoàn chỉnh, giúp công tác quản lý sản xuất có nề nếp, minh bạch và hiệu quả;

- Đánh giá về hệ thống quy chế doanh nghiệp:

Đa số quy chế vẫn còn phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế và vẫn tiếp tục áp dụng;

Tuy nhiên một số quy chế cần phải sửa đổi bổ sung, do: Có những quy chế đã ban hành từ khá lâu, quy định của pháp luật đã được sửa đổi; Một số quy chế, quy định còn mâu thuẫn nhau; Thẩm quyền ký ban hành quy chế chưa phù hợp; hoặc có quy chế cần sửa đổi cho phù hợp với thực tế để khuyến khích sản xuất;

- Việc này hiện nay đã được thực hiện: Đã ban hành cơ chế tiền lương mới áp dụng cho năm 2020 (Thang lương bảng lương và Quy chế tiền lương); Bãi bỏ Quy chế kiểm toán nội bộ (do giải thể Phòng kiểm toán nội bộ); Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Ban hành mới, trên cơ sở hợp nhất Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát cũ với Quy chế kiểm toán nội bộ)...

- Đề xuất: Kiến nghị Hội đồng quản trị tiếp tục rà soát lại các quy chế, quy định hiện hành của doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung kịp thời.

2. Kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ IV của Ban kiểm soát:

2.1. Kiểm soát Tài chính:

- Đề xuất với Hội đồng quản trị việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm;

- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm soát báo cáo tài chính hàng năm trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông;

- Hàng năm tổ chức kiểm tra các đơn vị trực thuộc về: Tình hình SXKD; Tài chính; Việc thực hiện các quy chế nội bộ...;

2.2. Kiểm soát hoạt động:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành;

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

2.3. Kiểm soát tuân thủ:

- Giám sát việc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội;

- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ;

3. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

Nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV, Ban kiểm soát nêu một số kiến nghị sau:

- Xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về sản xuất kinh doanh, về đầu tư... và các giải pháp thực hiện;

- Nâng cao công tác quản trị và điều hành để phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ từ văn phòng tới các đơn vị trực thuộc. Phân đầu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế

hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các cổ đông;

- Các dự án đầu tư: Phân tích hiệu quả đầu tư, thu hồi vốn; Tập trung nguồn lực để triển khai dự án có hiệu quả;

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện các quy chế nội bộ, quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;

- Tiếp tục thực hiện tốt chương trình chống thất thoát, duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước;

Trên là báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ III và kế hoạch kiểm soát nhiệm kỳ IV, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên

Thành viên

Trưởng ban

Bùi Hồng Nam

Nguyễn Quang Huy

Kim Ngọc Nhiệm

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỶ III

2015 - 2020

Chi tiết theo mục II Báo cáo kiểm soát nhiệm kỳ III

TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
I	Sản lượng							
1	Nước thương phẩm	m ³	10,231,552	10,130,187	10,049,305	10,622,457	10,541,594	51,575,095
2	Số lượng khách hàng	hộ	47,276	49,422	51,148	52,701	54,759	255,306
3	Nước lọc tinh khiết	binh	116,301	113,371	101,158	105,101	99,841	535,772
II	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14.90	11.10	11.40	10.90	11.20	11.20
III	Kết quả hoạt động kinh doanh							
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	đồng	117,127,127,993	119,354,730,745	118,212,923,497	123,502,798,400	121,943,000,000	600,140,580,635
-	Cấp nước	"	109,853,765,990	112,963,036,185	112,174,840,389	118,166,238,573	117,267,000,000	570,424,881,137
-	Lắp đặt nhỏ	"	3,348,098,558	2,891,561,784	2,652,932,426	2,432,456,321	2,410,000,000	13,735,049,089
-	Dịch vụ bơi lội	"	457,131,636	575,527,254	376,242,727	447,259,091	250,000,000	2,106,160,708
-	Nước lọc SOWA	"	1,571,479,537	1,513,134,722	1,334,389,346	1,363,336,803	1,253,000,000	7,035,340,408
-	Xây dựng cơ bản	"	1,355,217,272	389,197,273	672,990,482	526,973,430	113,000,000	3,057,378,457
-	Kinh doanh vật tư, thuê bể bơi MS	"	161,864,200	164,991,727	500,897,727	566,534,182	650,000,000	2,044,287,836
-	Quản lý, vận hành Trạm Nậm La	"	379,570,800	857,281,800	500,630,400	0	0	1,737,483,000
2	Giá vốn hàng bán	đồng	90,779,608,339	92,640,044,776	86,711,927,591	92,297,001,682	87,203,000,000	449,631,582,388
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	đồng	26,347,519,654	26,714,685,969	31,500,995,906	31,205,796,718	34,740,000,000	150,508,998,247
4	Doanh thu hoạt động Tài chính	đồng	44,083,459	38,569,114	1,887,652,785	4,114,416,498	2,500,000,000	8,584,721,856
5	Chi phí Tài chính	đồng	2,870,055,708	1,854,637,796	2,839,091,880	2,183,773,723	350,000,000	10,097,559,107
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	10,351,819,535	11,865,039,237	11,143,714,064	15,136,760,415	18,000,000,000	66,497,333,251

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

ĐẦU TƯ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2019

Chi tiết theo khoản 3, mục I Báo cáo kiểm soát năm 2019

TT	Diễn giải	ĐVT	Vốn doanh nghiệp	Nhận nợ với NN	Cộng
1	Nhà cửa vật kiến trúc	đồng	807,030,900		807,030,900
2	Máy móc thiết bị	"	1,475,000,516		1,475,000,516
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	"	0		0
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	"	0		0
5	TSCĐ thuê tài chính	"		12,444,000,000	12,444,000,000
	Cộng		2,282,031,416	12,444,000,000	14,726,031,416

Ghi chú:

1 TSCĐ thuê tài chính:

Nhận nợ với nhà nước Hệ thống cấp nước Sốp Cộp;
 Trả nợ thông qua khấu hao hàng năm;
 Trích khấu hao 10 năm (Từ năm 2019).

2 Nhà cửa, vật kiến trúc:

-
-
-

3 Máy móc, thiết bị:

-
-

Số: 499/BC-HĐQT

Sơn La, ngày 25 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2015-2020) và phương hướng của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV(2020-2025)

Kiểm điểm lại tình hình hoạt động trong 05 năm (2015-2020). Sau thành công của việc thoái vốn nhà nước tại công ty cổ phần cấp nước Sơn La, toàn thể bộ máy công ty đã được tổ chức và thực hiện sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty. Bộ máy HĐQT mới đã định hình cách làm mới của doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước đại hội đồng cổ đông về hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ III trong 05 năm vừa qua (2015-2020):

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm

Hội đồng quản trị có 07 thành viên, 01 chủ tịch và 01 phó chủ tịch. Các thành viên công tác phân tán tại nhiều địa bàn, kiêm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo tại nhiều công ty. Cụ thể:

04 thành viên ở Hà Nội không tham gia bộ máy điều hành. Chủ tịch HĐQT ở Hà Nội.

03 thành viên ở Sơn La đều có tham gia bộ máy điều hành: 01 thành viên là tổng giám đốc, 02 thành viên là phó tổng giám đốc và là đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Phó Chủ tịch HĐQT kiêm phó tổng giám đốc.

2. Thuận lợi, thời cơ

Toàn bộ thành viên HĐQT đều được đào tạo chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có vốn kiến thức khá cao so với xã hội hiện nay.

Cơ sở vật chất phương tiện cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu công việc.

Bộ máy công ty đã quy tụ tập trung được sức mạnh đoàn kết, tạo dựng được tinh thần học tập, lao động, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ của các thành viên.

3. Khó khăn, thách thức

Điều kiện công tác, sản xuất phân tán xa rời cho nên việc duy trì họp trực tiếp gặp không ít khó khăn.

Các thành viên đều công tác kiêm nhiệm nhiều chức vụ. Chưa có thành viên HĐQT chuyên trách

Biến đổi khí hậu khắc nghiệt. Nguồn nước bị suy kiệt, tranh chấp và ô nhiễm xảy ra thường xuyên ở hầu hết các địa bàn và đến nay vẫn là nguy cơ thường trực và ở mức báo động.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NHIỆM KỲ III (2015-2020)

1. Những thành tựu, làm được:

Sản xuất kinh doanh hiệu quả, năng suất lao động tăng, tiết kiệm chi phí, đạt và vượt mức lợi nhuận và cổ tức như kế hoạch đề ra;

Triển khai công tác sửa chữa, nâng cấp và đầu tư mở rộng với quyết tâm cao, tiến độ thi công nhanh, sớm đưa công trình vào sử dụng, quyết toán và hạch toán đầy đủ.

- Sản lượng nước thương phẩm năm 2020 đạt khoảng 10,6 triệu m³. Trong 5 năm tăng 5% . Bình quân mỗi năm tăng 1%.
- Doanh thu tiền nước năm 2020 đạt khoảng 118 tỷ. Trong 5 năm tăng 20%. Bình quân mỗi năm tăng 4%.
- Số hộ khách hàng năm 2020 đạt khoảng gần 55.000 hộ. Trong 5 năm tăng 22%. Bình quân mỗi năm tăng 5,5%.
- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước năm 2020 đạt khoảng 11%. Trong 5 năm giảm 6%. Mỗi năm giảm bình quân 1,2%.
- Suất tiêu hao điện cho 1m³ nước thương phẩm năm 2020 đạt khoảng 0,339kw. Trong 5 năm giảm 40w.
- Trong 5 năm Đầu tư phát triển khá nhiều dự án như : Cải tạo nâng cấp HTCN Trạm Nà Sản; Công trình thu, trạm bơm và tuyến ống nước thô suối sập Yên Châu; Tuyến ống D225 cấp nước Hua La; D225 khu 19/5 và D225 thị trấn Mai Sơn; D225 thành phố từ Bản Mé đến ngã tư Quyết Thắng đến trạm Nà Sản; Tuyến ống dọc kè suối Nậm La. Trạm Nà Coong. Trạm giếng ngầm Bắc Yên...
- Công ty đã sắp xếp lại lao động và tổ chức lại sản xuất một cách hợp lý, đã làm tăng năng suất lao động, nâng cao sản lượng, giảm các chi phí sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn trước.
- Cùng với việc triển khai ứng dụng tin học và các công nghệ mới vào công tác quản lý và sản xuất. Công ty đã mở nhiều lớp đào tạo và tập huấn cho cán bộ nghiệp vụ và đội ngũ công nhân, cử nhiều đoàn đi tham quan học hỏi kinh nghiệm ở các đơn vị đồng nghiệp để trở về vận dụng vào điều kiện của công ty và đã đem lại hiệu quả tốt.

2. Những hạn chế, mặt chưa làm được

Tăng trưởng sản lượng ở mức thấp so với thời kỳ nhiệm kỳ II (2010-2015) có tăng trưởng bình quân trên 3,5% năm và đặc biệt thời kỳ nhiệm kỳ I (2005-2010) có tăng trưởng bình quân trên 6,5%

Nhiều hộ khách hàng lớn và khách hàng vùng ven, khách hàng tiếp giáp vùng nước sạch nông thôn khoan giếng tự khai thác và sử dụng. Việc duy trì và mở rộng địa bàn cung cấp phát triển dịch vụ còn nhiều bất cập.

Sản xuất kinh doanh nước lọc tinh khiết, bể bơi thành phố chưa đạt kế hoạch đề ra.

Lực lượng cán bộ còn thiếu và yếu mặc dù Công ty đã thực hiện việc tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển cán bộ và bổ sung số lượng cán bộ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo. Nhưng trước mắt cũng như lâu dài chúng ta vẫn thiếu hụt cán bộ.

Trình độ và chất lượng lực lượng lao động còn thấp, Tỷ lệ lao động nữ khá cao.

3. Đối chiếu với các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2016-2020 đề ra

Chúng ta thực hiện tốt và vượt mức khá nhiều chỉ tiêu như: Giảm tỷ lệ thất thoát, hoàn thành tốt nghĩa vụ với nhà nước, trả nợ các khoản vay đầy đủ, kịp thời; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo tiền lương thu nhập và các chế độ chính sách cho người lao động. Vốn chủ sở hữu, lợi nhuận và cổ tức tăng đáng kể.

Tuy nhiên riêng 2 chỉ tiêu Số hộ khách hàng và Sản lượng nước thương phẩm bình quân mỗi năm tăng 5% là chúng ta chưa thực hiện được.

III. HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ CỦA HĐQT NHIỆM KỲ III (2015-2020)

1. Công tác quản lý điều hành, các quyết định, các cuộc họp của HĐQT

HĐQT đã xác định trước được những mục tiêu, phân bổ và sắp xếp nguồn lực hợp lý, thiết lập được môi trường làm việc tốt. Ngay sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã tiến hành họp để đánh giá kết quả cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đồng thời ra Nghị quyết về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ, đột xuất bằng các hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến để xem xét tình hình sản xuất kinh doanh, kế hoạch sản xuất kinh doanh. Bám sát tình hình biến động thị trường HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp, ngoài ra HĐQT còn tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để ban hành được các Nghị quyết, Quyết định.

HĐQT đã điều hành hoạt động của Công ty thông qua các phiên họp. Tùy nội dung từng cuộc họp có thể mở rộng thành phần tham dự đối với Ban điều hành, các đoàn thể, và các cuộc họp đều có sự tham gia giám sát của Ban kiểm sát. Các cuộc họp HĐQT đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Các Nghị quyết và quyết định Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của đa số thành viên Hội đồng quản trị.

Hàng năm HĐQT đã tổ chức trên 10 phiên họp. Ban hành trên 10 biên bản, trên 20 Nghị quyết và Quyết định với nội dung chủ yếu như:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; (Góp vốn liên doanh để cùng thành lập Công ty CP VBIC Sơn La).
- Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

HĐQT đã đề ra được chiến lược phát triển, các kế hoạch hoạt động ngắn hạn, trung hạn, các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản cho từng quý, từng năm và định hướng cho Ban giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty.

2. Công tác quản trị điều hành, giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc điều hành, đối với các cán bộ quản lý khác:

Hoạt động quản trị Công ty đều theo đúng Quy chế quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã thường xuyên, giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết đã được ban hành.

HĐQT Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật, điều lệ công ty, nghị quyết đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.

Các Nghị quyết được thông qua đều được HĐQT giao cho Ban điều hành triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT. Trong các trường hợp khác, các quyết định của HĐQT được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

Việc Công bố thông tin theo quy định cũng đã được Chủ tịch HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

HDQT đã tổ chức và kiện toàn lại bộ máy quản lý và điều hành tương đối phù hợp: Thành lập lại các phòng ban trong Công ty, giúp cho việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất được tốt hơn. Phân công theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của ban lãnh đạo và các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

Định hướng xây dựng Kế hoạch sản xuất hàng năm phù hợp, cùng với sự chỉ đạo điều hành sản xuất sát sao của HDQT và Ban điều hành đã thúc đẩy mọi hoạt động sản xuất của Công ty có bước phát triển tốt.

Đã huy động và tập trung các nguồn lực cho hoạt động chống thất thoát, thất thu nước sạch. Liên tục đôn đốc mở rộng địa bàn, tăng số lượng, cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng dùng nước.

Chỉ đạo xây dựng và ban hành được nhiều nội quy, quy định quản lý nội bộ. Giúp cho việc quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty ngày càng chặt chẽ và khoa học.

Thực hiện tốt chủ trương thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đảm bảo đúng quy định, hoàn thành tiến độ, tạo tiền đề cho việc huy động các nguồn lực xã hội để doanh nghiệp phát triển bền vững.

3. Những mặt còn hạn chế trong công tác quản trị điều hành của HDQT :

Nhiều thành viên HDQT ở xa công ty, công tác phân tán tại nhiều địa bàn, kiêm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo tại nhiều công ty, nên việc quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp phần nào bị hạn chế, việc duy trì hợp định kỳ chưa đúng thời gian kế hoạch.

HDQT còn thiếu những hoạch định mục tiêu chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của công ty, các công việc giải quyết chủ yếu là các sự vụ xem xét đề xuất của ban điều hành, đôi lúc còn chưa kịp thời và phân công trách nhiệm chưa rõ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, CÁC KẾ HOẠCH NHIỆM KỶ IV(2021-2025)

Căn cứ tình hình thực tiễn thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm đã qua (2015-2020) và dự kiến tình hình sản xuất kinh doanh 05 năm tiếp theo, Hội đồng Quản trị Công ty xác định phương hướng nhiệm vụ Kế hoạch SXKD giai đoạn 05 năm tiếp theo (2020-2025) như sau:

1. Mục tiêu:

Ngoài việc tiếp tục tập trung cho công tác Cấp nước an toàn và chống thất thoát thất thu. Cần đưa lên hàng đầu công tác phát triển khách hàng, mở rộng mạng lưới, chiếm lĩnh thị trường.

Tiếp tục thực hiện tốt quy hoạch, luân chuyển và đào tạo cán bộ.

Phân đầu đạt sản lượng nước và các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Chỉ tiêu :

Kế hoạch chỉ tiêu SXKD giai đoạn 2020 - 2025 phân đầu đạt như sau:

- 1) Sản lượng nước thương phẩm bình quân mỗi năm tăng >1%
- 2) Số hộ khách hàng bình quân mỗi năm tăng 2,5%
- 3) Tỷ lệ dân nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2025 là 98%.
- 4) Tỷ lệ dân ngoại thị được sử dụng nước sạch đến năm 2025 là 60%.
- 5) Kiểm soát thất thoát bền vững tỷ lệ <11%.
- 6) Cải tạo và sửa chữa mạng lưới cấp nước.
- 7) Đầu tư phát triển mở rộng địa bàn mạng lưới cấp nước.
- 8) Đầu tư cải tạo đổi mới công nghệ và nâng công suất khai thác nguồn nước (cả bổ sung mới) mỗi năm 3.500 - 4.000 M3/năm.
- 9) Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng và thực hiện đầu tư dự án Dự án cấp nước Vân Hồ, Dự án cấp nước Nà Sản lấy nguồn hồ Chiềng Dong và Dự án Văn Phòng Công ty ...vv

Kế hoạch chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2020 - 2025 phân đầu đạt như sau:

- 1) Doanh thu mỗi năm tăng > 2%
- 2) Lợi nhuận trước thuế mỗi năm tăng >2%
- 3) Chia cổ tức > 12% năm.
- 4) Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.

3. Biện pháp :

3.1. Về hoạch định chiến lược, kế hoạch

Đặt lên hàng đầu việc tăng cường chiếm lĩnh thị trường lân cận như : đầu tư lắp mới mạng đường ống để mở rộng vùng cấp nước ra khu vực nông thôn; phủ đầy khoảng trống trong vùng đã được cấp nước khu vực thành thị.

Sửa chữa, nâng cấp xây dựng các tuyến truyền tải để tăng năng lực cấp nước đến các vùng cao, xa với lưu lượng tốt, đáp ứng nhanh, chất lượng tốt.

3.2. Về giao quyền hạn và phân phối các nguồn lực (phân cấp, quyền, tiền)

Tổ chức, thực hiện tốt cơ cấu quản lý và cơ cấu sản xuất – kinh doanh

Tổ chức, thực hiện tốt quá trình quản trị, quản lý và sản xuất kinh doanh

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, luân chuyển và tạo nguồn cán bộ.

3.3. Về các giải pháp

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, quy chế, quy trình, quy định nội bộ. Tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ các đơn vị.

Đổi mới công tác giao ban tại các đơn vị sản xuất cũng như công ty để xử lý kịp thời, dứt điểm các phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tôn vinh trung thực và tài năng. Áp dụng các giải pháp đồng bộ, hiệu quả và có tác dụng bền vững.

Ứng dụng công nghệ tin học và khoa học công nghệ mới.

Đào tạo đội ngũ nhân viên được tiếp cận, học hỏi và ứng dụng thành thạo phương pháp, sử dụng thành thạo trang thiết bị hiện đại dùng cho công tác.

Minh bạch, công khai tình hình tài chính, kế hoạch đầu tư kinh doanh. Đảm bảo công tác tài chính đáp ứng nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ của Công ty Huy động và sử dụng các nguồn vốn hợp lý, không mất cân đối tài chính.

Tuyển dụng nhân lực công khai, minh bạch, cạnh tranh. Làm tốt công tác quản lý và sử dụng lao động, duy trì từ việc thực hiện các nội quy, quy định của công ty đến việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước quy định như Bộ Luật lao động, chế độ tiền lương, thưởng, các chế độ bảo hiểm xã hội, y tế...

Rà soát lại các định mức, đơn giá khoán, áp dụng phù hợp với thời điểm và điều kiện sản xuất của từng đơn vị để đảm bảo bình đẳng và khuyến khích được người lao động gắn bó với công ty và nâng cao hiệu quả làm việc.

3.4. Về giám sát, kiểm tra, đánh giá

Định kỳ kiểm tra, đánh giá hiệu quả. Hành động để đảm bảo doanh nghiệp luôn đi đúng mục tiêu.

Trên đây là những nhận định, đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ III (2015-2020) và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2020-2025) của tập thể Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La.

Thay mặt HĐQT công ty, tôi xin được cảm ơn sự cố gắng của cán bộ nhân viên, người lao động trong công ty; Tôi xin kính chúc quý vị đại biểu, các cổ đông và người lao động trong Công ty cùng gia đình luôn dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống. / .

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III;
- Lưu: HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phó Chủ tịch



Lương Thế Công



UBND TỈNH SƠN LA
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dự thảo

TP Sơn la, ngày 12 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NHIỆM KỲ III (2015-2020) VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD KỲ IV (2020-2025)

I. KẾT QUẢ SXKD NHIỆM KỲ 2015 – 2020:

1) Khó khăn:

- Mấy năm qua do biến đổi khí hậu khắc nghiệt, mùa khô và mùa mưa đều kéo dài. Mưa lũ đã tàn phá nặng nề các công trình thu và tuyến ống cấp nước ở một số huyện làm ngừng sản xuất và gián đoạn cấp nước trên diện rộng. Mùa khô hạn hán kéo dài làm nguồn nước cạn kiệt, một số trạm bơm hoạt động không đủ công suất thậm chí phải ngừng dài ngày do bị thiếu nước. Những yếu tố trên đã ảnh hưởng và gây khó khăn lớn cho hoạt động SX chung trong toàn công ty. Ở một số địa bàn bị thiếu hụt nguồn nước nghiêm trọng nhưng tới nay vẫn đang trong quá trình xử lý khắc phục (nghiêm trọng ở các địa bàn huyện Bắc yên, Mường la, Yên châu).
- Công tác quản lý môi trường, quản lý tài nguyên nước chưa tốt dẫn đến tình trạng ô nhiễm nguồn nước xảy ra thường xuyên ở hầu hết các địa bàn và đến nay vẫn là nguy cơ thường trực và ở mức báo động. Các nguồn nước Công ty đang khai thác (cả nước mặt và nước ngầm) có xu hướng ngày càng giảm cả về lưu lượng cũng như chất lượng.
- Việc chỉnh trang đô thị ở hầu hết các địa bàn trong tỉnh (làm đường) đã ảnh hưởng đến mạng lưới đường ống cấp nước, chúng ta luôn bị động và chi phí cho việc di chuyển, sửa chữa mạng lưới cấp nước tăng lên rất nhiều.
- Khả năng mở rộng mạng lưới để phát triển tăng lượng khách hàng trong phạm vi đô thị đã gần tới hạn, hàng năm tăng không nhiều.

2) Thuận lợi :

- Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng HĐQT và BGD công ty đã chỉ đạo thống nhất và ra các nghị quyết kịp thời phù hợp với tình hình thực tiễn cụ thể để tháo gỡ những khó khăn. Do vậy đã duy trì được mọi hoạt động SXKD của Công ty luôn ổn định phát triển.
- Mặc dù liên tục xảy ra mưa lũ, hạn hán và ô nhiễm ở nhiều địa bàn, một số trạm xử lý phải ngừng hoạt động nhưng Công ty đã chuẩn bị tốt giải pháp ứng phó chủ động nên đã hạn chế sự ảnh hưởng xấu kéo dài đối với khách hàng và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban điều hành đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật, hỗ trợ các đơn vị trong việc tổ chức sản xuất, phát huy công suất máy móc thiết bị, chăm sóc phục vụ khách hàng tốt.

3) Kết quả hoạt động sản xuất nhiệm kỳ 2015 - 2020 như sau:

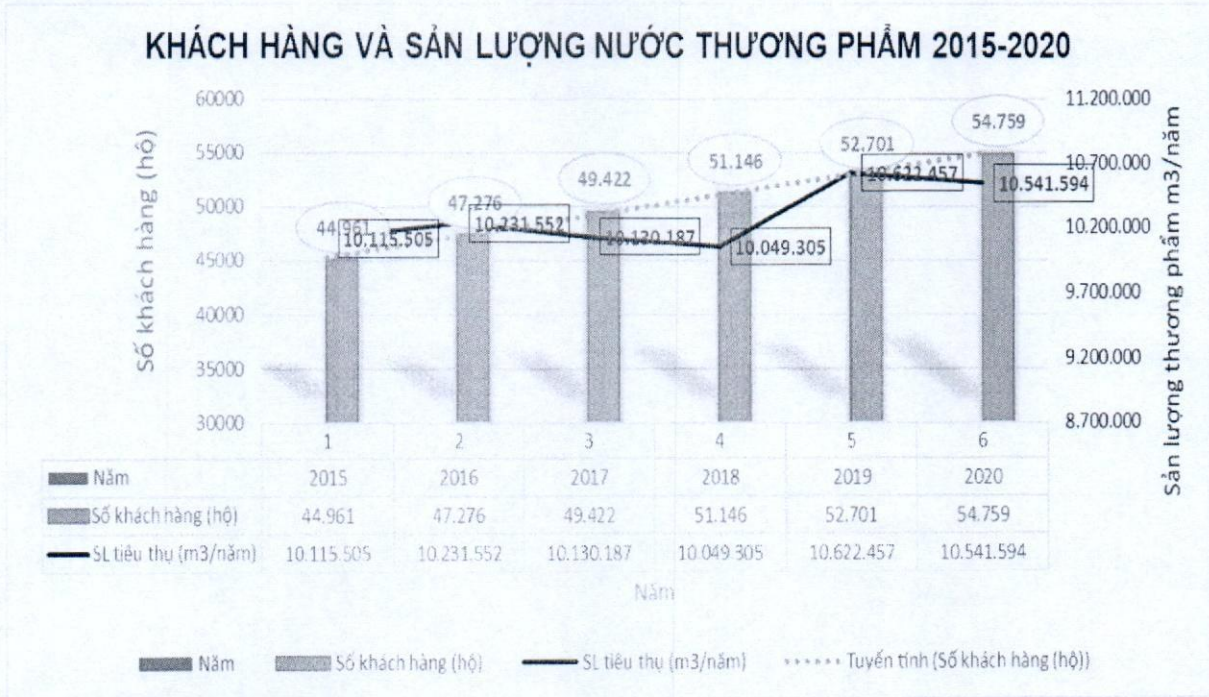
a) Hoạt động sản xuất nước sạch:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH						
Từ năm 2015-2020						
(Trong đó số liệu tháng 11&12/2020 ước bằng 2019)						
Năm	Số lượng đồng hồ (cái)	SL phát ra (m3/năm)	SL tiêu thụ (m3/năm)	Tỷ lệ thất thoát (%)	Điện tiêu hao (KWh/m3 T.thụ)	Tổng tiền hàng (đ)
2015	44.961	12.203.354	10.115.505	17,1%	0,379	98.326.179.164
2016	47.276	12.016.924	10.231.552	14,9%	0,357	109.854.065.992
2017	49.422	11.399.776	10.130.187	11,1%	0,359	112.963.036.184
2018	51.146	11.342.412	10.049.305	11,4%	0,339	112.174.840.390
2019	52.701	11.927.373	10.622.457	10,9%	0,332	118.166.238.573
2020	54.759	11.870.452	10.541.594	11,2%	0,344	117.061.666.818
Tỷ lệ 2020/2015 (%)	122	97	104	65	91	119

Năm 2020 so với 2015:

- Số hộ khách hàng mới tăng thêm 22%, nhưng sản lượng nước thương phẩm chỉ tăng 4%. Lý do là khu vực nội đô thị hầu như không tăng, chỉ tăng thêm khách hàng nhỏ đa phần ở vùng ven đô thị, trong số này thì lượng tách hộ, di chuyển sang vị trí mới cũng khá nhiều, có một số khách hàng lớn sử dụng 2 nguồn nước (khoan giếng) cho nên sản lượng nước thương phẩm thực sự không tăng tương ứng với số hộ mới tăng thêm.
- Nhu cầu dùng nước của một số khách hàng lớn là các trường chuyên nghiệp đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh giảm nhiều do lượng sinh viên rất ít.
- Nhu cầu dùng nước trong hoạt động xây dựng cũng giảm nhiều so với trước đây. Do hầu hết các công trình xây dựng đã chuyển sang dùng bê tông trộn sẵn.
- Cũng có cả nguyên nhân chủ quan trong công tác quản lý. Việc thực hiện quản lý và chăm sóc khách hàng tại các đơn vị trong thời gian qua còn buông lỏng như: chưa làm tốt công tác phân tích, kiểm tra đối với các khách hàng bất thường để đưa ra các giải pháp xử lý cho phù hợp.
- Chế độ vận hành cấp nước ở các đơn vị chưa linh hoạt theo nhu cầu sử dụng của khách hàng cũng là nguyên nhân giảm sản lượng nước.
- Những năm qua công tác chống thất thoát đã được Công ty đã làm tốt nên tỷ lệ thất thoát tiếp tục giảm từ 17,1% xuống 11,2% (Giảm 5,9%). Sản lượng nước thương phẩm tăng 4%, trong khi đó nước phát ra lại giảm 3%.
- Doanh thu tiền nước tăng 19%.
- Suất tiêu hao điện cho 1m3 nước thương phẩm giảm 9%.

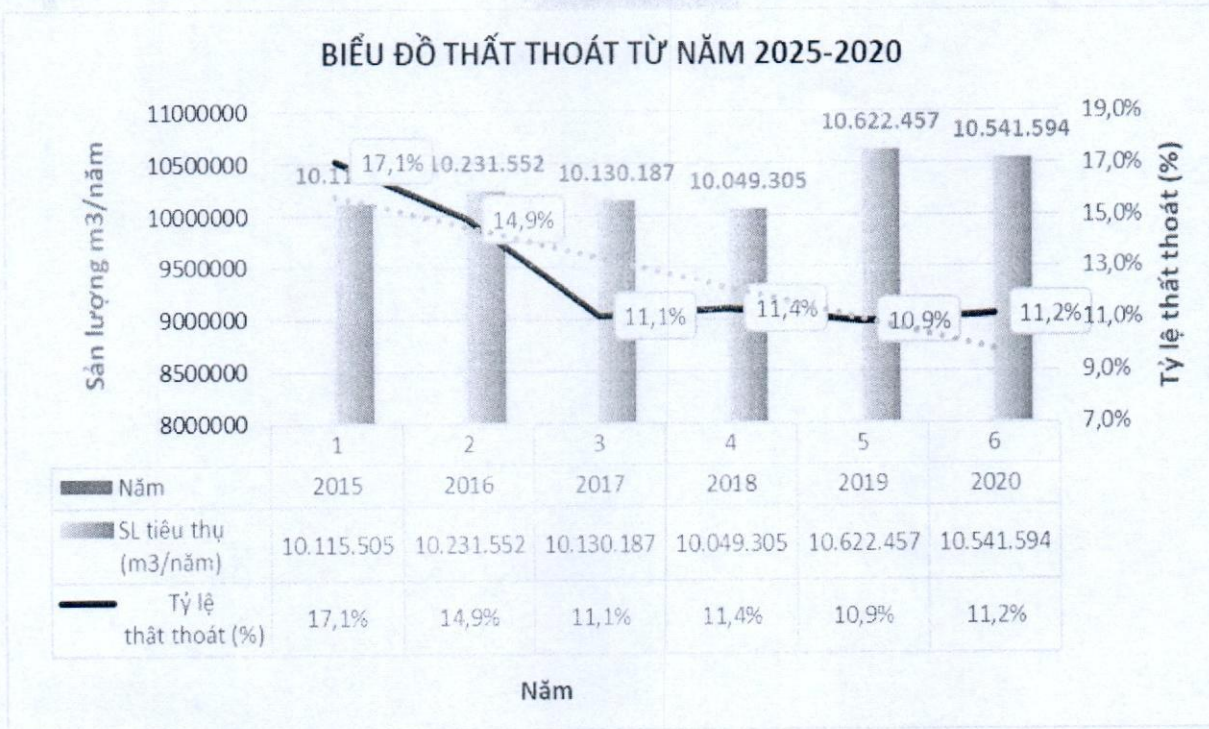
Biểu đồ:



- Trong 5 năm cả số khách hàng và sản lượng đều có xu hướng tăng:

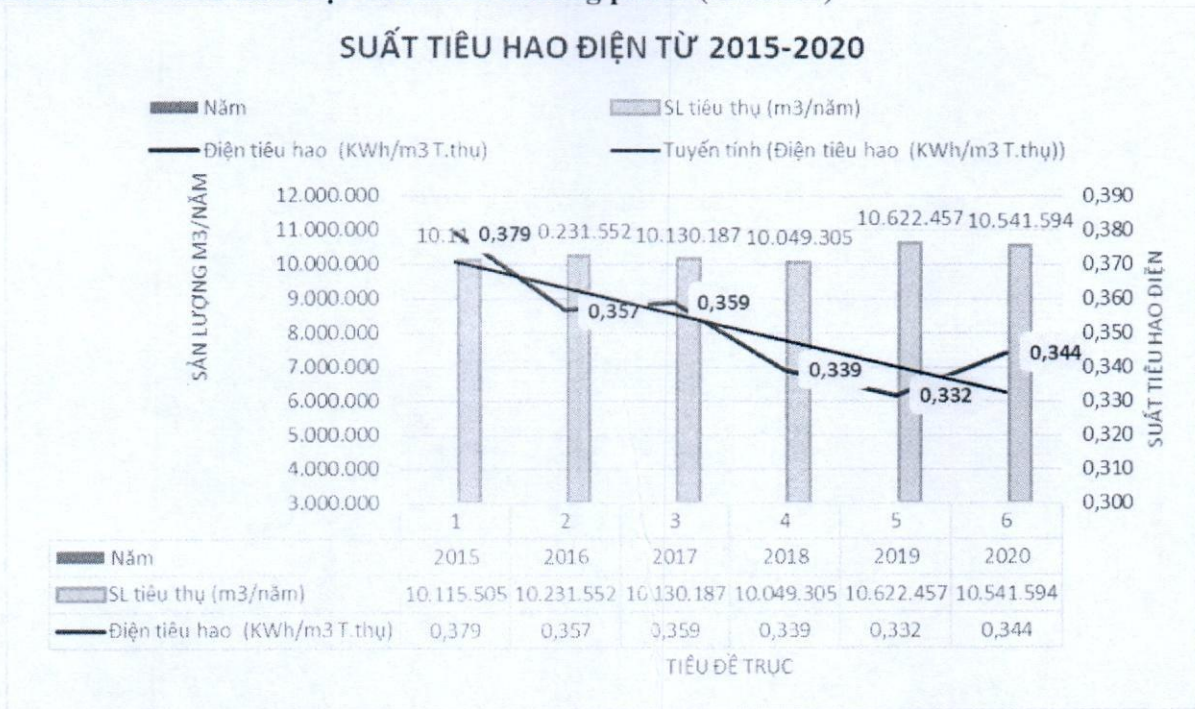
- Khách hàng: 54.759/44.961 tăng 22%.
- Sản lượng: 10.541.594/10.115.505 chỉ tăng 4% (không tương ứng với tăng khách hàng).

Biểu đồ:



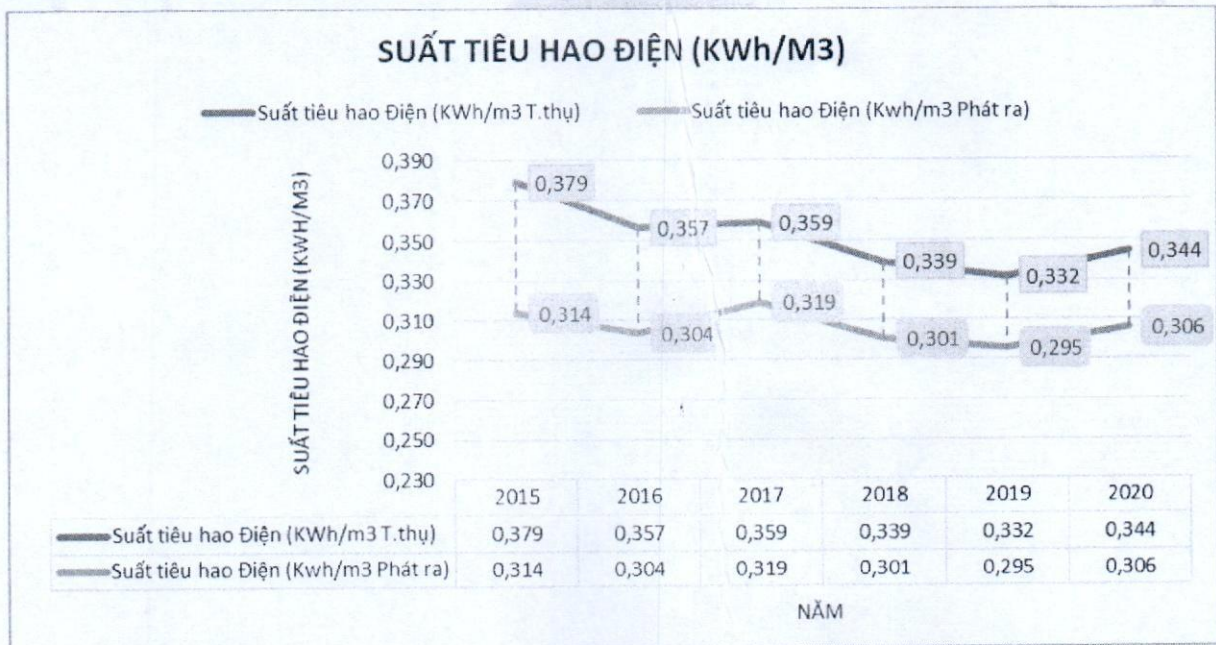
- Tỷ lệ thất thoát có đường xu hướng giảm dần theo thời gian. Năm 2017 là năm giảm tỷ lệ thất thoát nhiều nhất từ 17,1% xuống 11,1%. Từ năm 2017 đến nay thì tỷ lệ thất thoát khá ổn định luôn dao động ở mức 10-11%.

Biểu đồ: Suất tiêu hao điện cho nước thương phẩm (Kwh/m³)

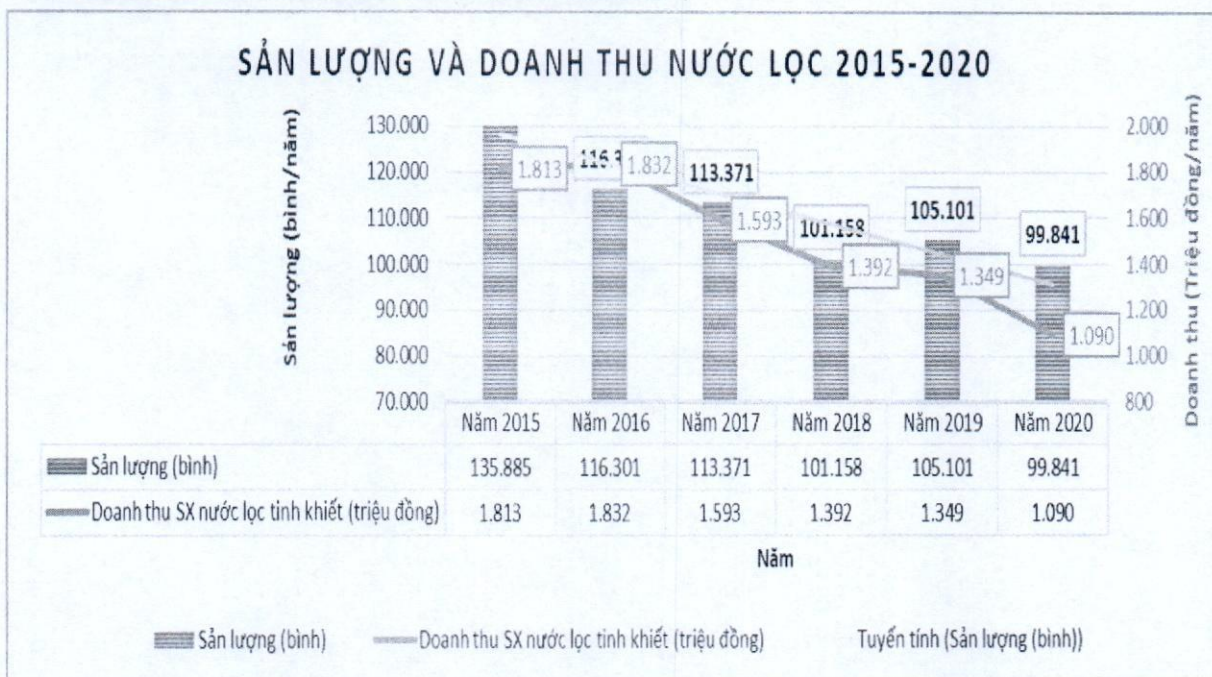


- Suất tiêu hao điện có đường xu hướng giảm dần từ 0,379 Kwh/m³ xuống còn 0,344 Kwh/m³ nước thương phẩm. Do giảm tỷ lệ thất thoát và do ứng dụng công nghệ tin học để có chế độ vận hành hợp lý đó là điều khiển biến tần để vận hành bơm theo áp lực điểm bất lợi ngoài mạng lưới.

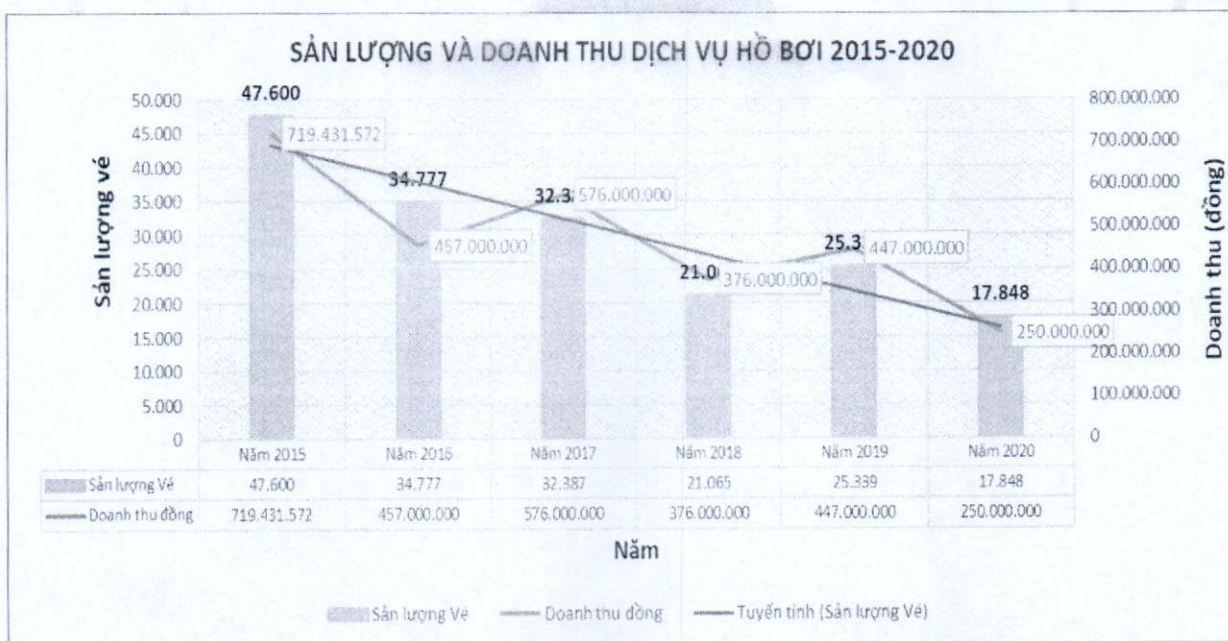
Biểu đồ: Suất tiêu hao điện cho cả nước phát ra và thương phẩm (Kwh/m³)



- Suất tiêu hao điện (Kwh/m³) cho cả sản lượng nước phát ra và sản lượng nước thương phẩm đều có đường xu hướng giảm dần.

b) Hoạt động sản xuất nước uống tinh khiết:

- Công ty đã có những quan tâm để nâng cao chất lượng sản phẩm và nắm giữ thị trường. Tuy nhiên những năm gần đây đã có thêm nhiều cơ sở sản xuất nước uống tinh khiết. Do có quá nhiều nhà cung cấp và sự cạnh tranh quyết liệt nên sản lượng và doanh thu hoạt động này có xu hướng giảm dần.

c) Hoạt động dịch vụ bơi lội:

- Đây là một hoạt động SX phụ, mang tính phục vụ và quảng bá là chính, mỗi năm chỉ hoạt động khoảng 4 tháng (từ 30/4 đến 2/9). Doanh thu 5 năm gần đây khoảng 400-500 triệu đồng. Riêng năm 2020 do dịch bệnh covid 19, thời gian hoạt động ngắn nên doanh thu cũng giảm.

- Sản lượng và doanh thu của hoạt động này cũng có xu hướng giảm dần.

d) Hoạt động thi công xây lắp:**HOẠT ĐỘNG THI CÔNG XÂY LẮP**

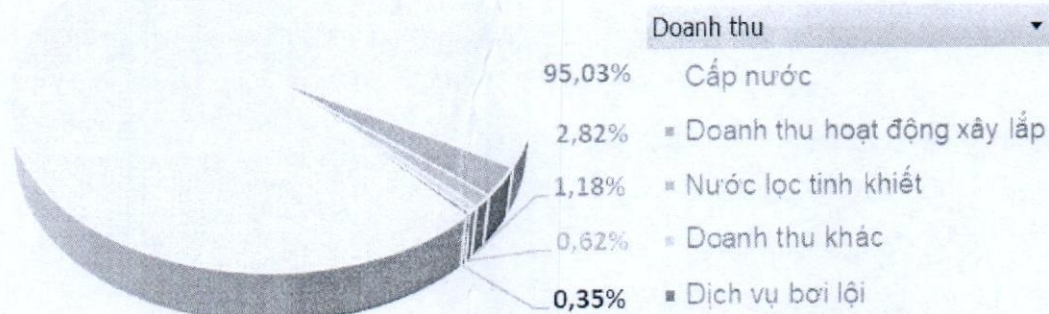
Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Ước TH 2020
+Phát triển khách hàng	đồng	3.348.098.557	2.891.561.784	2.652.932.426	2.432.456.321	2.541.542.355
+Nhận thầu bên ngoài	đồng	1.355.217.272	389.197.273	672.990.482	526.973.430	112.870.000
Cộng doanh thu xây lắp	đồng	4.703.315.829	3.280.759.057	3.325.922.908	2.959.429.751	2.654.412.355

- Do khối lượng nhận thầu thi công với bên ngoài ít, số khách hàng tăng hàng năm không nhiều (Khoảng 3-4%), nên doanh thu của hoạt động này mỗi năm chỉ khoảng 2,5-3 tỷ đồng.

e) Doanh thu của các loại hình SXKD:**DOANH THU CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Doanh thu	ĐVT	TH Năm 2016	TH Năm 2017	TH Năm 2018	Thực hiện 2019	Ước TH 2020	Tổng 5 năm
Cấp nước	đồng	109.853.765.992	112.963.036.185	112.174.840.389	118.166.238.573	117.061.666.818	570.219.547.957
Doanh thu hoạt động xây lắp	đồng	4.703.315.829	3.280.759.057	3.325.922.908	2.959.429.751	2.654.412.355	16.923.839.900
Nước lọc tinh khiết	đồng	1.571.479.537	1.513.134.722	1.334.389.346	1.363.336.803	1.270.779.103	7.053.119.511
Doanh thu khác	đồng	541.435.000	1.022.273.527	1.001.578.127	566.534.182	616.110.000	3.747.930.836
Dịch vụ bơi lội	đồng	457.131.636	575.527.254	376.242.727	447.259.091	249.623.637	2.105.784.345
Tổng cộng		117.127.127.994	119.354.730.745	118.212.973.497	123.502.798.400	121.852.591.913	600.050.222.549

Tỷ trọng(%)

TỶ TRỌNG DOANH THU CÁC LOẠI HÌNH SẢN XUẤT

- Công ty có 4 lĩnh vực sản xuất có phát sinh doanh thu nhưng doanh thu hoạt động sản xuất nước sinh hoạt chiếm tỷ trọng chính >95%, còn các hoạt động khác chiếm tỷ trọng <5%.

4) Hoạt động đầu tư và sử dụng nguồn vốn tái đầu tư:**SỬ DỤNG VỐN TÁI ĐẦU TƯ**

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020 (ước)	Cộng 5 năm
C	NGUỒN VỐN TÁI ĐẦU TƯ							
1	Năm trước chuyển sang	đồng	7.186.134.723	3.126.819.050	-2.426.557.296	10.640.402.424	20.033.371.281	
2	Tăng trong năm	đồng	18.827.325.655	24.708.684.302	25.408.951.319	30.187.829.262	27.620.000.000	126.752.790.538
	Trích khấu hao TSCĐ	"	14.091.917.105	17.481.907.919	18.916.163.717	19.350.817.668	19.810.000.000	89.650.806.409
	Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	"	1.932.501.787	426.776.383	492.787.602	337.011.594	310.000.000	3.499.077.366
	Trích từ lợi nhuận sau thuế từ LN năm trước	"	2.802.906.763	6.800.000.000	6.000.000.000	10.500.000.000	7.500.000.000	33.602.906.763
3	Giảm trong năm	đồng	22.886.641.328	30.262.060.648	12.341.991.599	20.794.860.405	23.859.040.153	110.144.594.133
3.1.	Trả nợ vay các dự án	đồng	5.774.605.110	5.887.467.262	5.958.727.899	18.907.022.191	8.093.531.529	44.621.353.991
	Dự án cấp nước Yên Châu	"			0	5.007.466.799	397.844.382	5.405.311.181
	Dự án cấp nước Mộc Châu	"			0	6.661.706.201	456.802.747	7.118.508.948
	Dự án cấp nước Sốp Cộp	"			0	1.218.884.400	1.218.884.400	2.437.768.800
	Trả nợ gốc Dự án ODA Pháp ở TP		5.774.605.110	5.887.467.262	5.958.727.899	6.018.964.791	6.020.000.000	29.659.765.062
3.2.	Đầu tư TSCĐ	đồng	17.112.036.218	24.374.593.386	6.383.263.700	1.887.838.214	15.765.508.624	65.523.240.142
	Đầu tư Nhà cửa vật kiến trúc	"	655.320.900	2.892.487.200	1.488.794.600	807.030.900	2.010.006.436	7.853.640.036
	Đầu tư Máy móc thiết bị	"	2.977.644.599	7.952.408.062	2.355.924.091	1.080.807.314	7.822.482.400	22.189.266.466
	Đầu tư Phương tiện vận tải truyền dẫn	"	13.479.070.719	13.529.698.124	2.457.981.009	0	5.933.019.788	35.399.769.640
	Đầu tư Thiết bị, dụng cụ quản lý	"	0	0	80.564.000	0	0	80.564.000
4	Số cuối năm	đồng	3.126.819.050	-2.426.557.296	10.640.402.424	20.033.371.281	23.794.331.128	

Trong 5 năm:

- **Hoạt động đầu tư:** Theo kế hoạch nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra mỗi năm chúng ta phải đầu tư cải tạo và bổ sung thêm cho các trạm và nguồn nước mới từ 3000-4000m³/ngày đêm và 5 năm là 18000m³/ngày đêm, để đến năm 2020 có tổng công suất là 62000m³/ngày đêm. Nhưng với nhiều lý do cả chủ quan và khách quan nên tổng công suất toàn Công ty hiện nay chỉ đạt 48000m³/ngày. Việc đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước ra vùng ven đô thị để mở rộng địa bàn phục vụ cũng chưa đạt như kế hoạch đề ra (Kế hoạch NK 2015-2020 là 100% dân nội thị và vùng ven được sử dụng nước sạch). Đây cũng là một trong những nguyên nhân mà chỉ tiêu số hộ khách hàng chúng ta không đạt kế hoạch đề ra là 57000 hộ (Hiện nay năm 2020 là 54759 hộ khách hàng, đạt 96% so với kế hoạch đề ra).

- **Sử dụng vốn:** Nguồn vốn tái đầu tư tăng 126,7 tỷ đồng và giảm 110,1 tỷ đồng, sử dụng vào các nội dung sau: Trả nợ vay các dự án 44,6 tỷ (ODA Thành phố, Mộc châu, Yên châu và Sốp Cộp); Đầu tư mua sắm tài sản mới 65,5 tỷ đồng. Số còn lại 23,8 tỷ đồng.

5) Kết quả các chỉ tiêu về tài chính :**a) Biến động tài sản và nguồn vốn:**

BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN					
Tài sản (1.000 VNĐ)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Xem đầy đủ	
				Năm 2019	Năm 2020
Tổng tài sản lưu động ngắn hạn	26.694.956	32.812.819	69.904.782	47.061.184	54.951.000
Tổng tài sản	139.897.771	144.905.479	172.544.239	147.401.365	157.000.000
Nợ ngắn hạn	16.290.511	40.467.156	62.738.680	19.988.290	29.384.000
Tổng nợ	61.559.467	64.010.723	80.711.318	46.465.376	41.539.000
Vốn chủ sở hữu	78.338.304	80.894.756	91.832.920	100.935.989	117.000.000

- Trong 5 năm tài sản và nguồn vốn biến động theo xu hướng: tổng nợ giảm, tổng tài sản tăng, vốn chủ sở hữu tăng 49% (từ 78,3 tỷ lên 117 tỷ).

b) Kết quả kinh doanh:

KẾT QUẢ KINH DOANH 2016-2020						Xem đầy đủ
(Số liệu tháng 11&12/2020 ước bằng năm 2019)						
Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tăng trưởng 2020/2016
	(Đã kiểm toán)	(Đã kiểm toán)	(Đã kiểm toán)	(Đã kiểm toán)	(Ước)	
Kết quả kinh doanh (1.000 VNĐ)				Xem đầy đủ		
1-Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	117.127.128	119.354.731	118.212.923	123.502.798	121.852.592	1,040
4-Giá vốn hàng bán	90.779.608	92.640.045	86.711.928	92.297.002	87.371.582	0,962
5-Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	26.347.520	26.714.686	31.500.996	31.205.797	34.481.010	1,309
Lợi nhuận tài chính	-2.825.972	-1.816.069	-951.439	1.930.643	1.379.815	-0,488
14-Lợi nhuận khác	45.955	3.094	404.869	-106.017	480.000	10,445
15-Tổng lợi nhuận trước thuế	13.629.277	13.342.978	19.810.712	17.893.662	18.747.545	1,376
18-Lợi nhuận sau thuế	12.859.988	12.413.786	17.768.757	15.875.061	17.247.545	1,341

- Trong 5 năm sản lượng và doanh thu tăng không nhiều (4%) nhưng do ứng dụng tin học và công nghệ mới trong sản xuất, cải tiến công tác quản lý, đặc biệt là hiệu quả của công tác chống thất thu thất thoát nên chi phí giá vốn đã giảm (3,8%). Cũng từ đó các chỉ tiêu về lợi nhuận cũng tăng dần (Năm 2020 so với 2016 tăng hơn 30%).

c) Các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh:

CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH DOANH					
Chỉ tiêu tài chính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
EPS (nghìn đồng)- 1 CP thu được bao nhiêu đồng LN sau thuế?	2,0	2,0	2,9	2,6	2,8
BV (nghìn đồng)- Giá 1 cổ phiếu trên sổ sách	12,9	13,0	14,8	16,3	17,9
P/E - Hệ số giá trên thu nhập	n/a	n/a	n/a	3,5	5,67
ROA (%) Tỷ suất sinh lời của tài sản	9,2	8,6	10,3	10,8	10,1
ROE (%) Tỷ suất lợi nhuận trên vốn tự có	16,4	15,4	19,4	15,7	13,6
ROS (%) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	11,0	10,4	15,0	12,9	12,9
GOS (%) -Tỷ suất lợi nhuận gộp	22,5	22,4	26,7	25,3	28,3
DAR (%) -Tỷ lệ nợ trên tài sản	44,0	44,2	46,8	31,5	26,5

- Các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động (EPS, BV, P/E, ROA...) đều có xu hướng tăng dần theo thời gian điều đó phản ánh tổng hợp các khía cạnh về trình độ quản trị tài chính, quản trị chi phí, quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn của doanh nghiệp ngày một tốt hơn.

- DAR: Tỷ lệ nợ trên tài sản giảm dần từ 44,0% xuống còn 26,5%.

6) Đánh giá chung:

a) Những mặt được:

- Nhiệm kỳ qua Công ty đã tinh giảm lao động từ 270 người xuống còn 220 người. Tổ chức lại sản xuất hợp lý ở các đơn vị trong toàn Công ty, đã làm tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất. Công ty đã mở nhiều lớp đào tạo và tập huấn cho cán bộ nghiệp vụ và đội ngũ công nhân, cử nhiều đoàn đi tham quan học hỏi kinh nghiệm ở các đơn vị đồng nghiệp để vận dụng vào điều kiện của Công ty và đã đem lại hiệu quả tốt.

- Tỷ lệ thất thoát nước chung toàn Công ty và ở hầu hết các đơn vị đều có xu hướng giảm mạnh (có đơn vị đạt <10%), đi cùng với việc giảm tỷ lệ thất thoát là giảm chi phí SX như điện, hóa chất, cải thiện chất lượng dịch vụ đối với khách hàng (Đủ lưu lượng và áp lực, đặc biệt ở những điểm bất lợi cao xa cuối mạng).

- Công ty có những thay đổi mạnh mẽ và có những bước tiến đáng kể trong việc ứng dụng tin học và đổi mới công nghệ trong công tác quản lý cũng như sản xuất. Giúp cho công tác quản trị, quản lý doanh nghiệp được cải thiện theo chiều hướng hiện đại, có chiều sâu và hiệu quả cao.

- Công ty luôn cải tiến để nâng cao chất lượng nước, tiến đến cấp nước an toàn. Đã tích cực chủ động trong việc ứng phó xử lý các sự cố về thiên tai mưa lũ cũng như ô nhiễm môi trường, giảm bớt những bức xúc của xã hội. Đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn.

b) Những mặt còn tồn tại hạn chế:

✚ Hoạt động đầu tư phát triển chưa được quan tâm đúng mức:

- Nhiệm kỳ vừa qua chúng ta đã làm được khá nhiều vấn đề như đã nêu ở trên giúp cho doanh nghiệp ổn định sản xuất và kinh doanh hiệu quả. Tuy nhiên công tác đầu tư còn khiêm tốn nên việc mở rộng và phát triển nhằm nâng cao năng lực sản xuất và phục vụ xã hội của doanh nghiệp còn hạn chế.

- Trong quá trình quản trị và điều hành lãnh đạo Công ty chưa xây dựng được định hướng chiến lược, một số mục tiêu dài hạn về đầu tư của nhiệm kỳ trước tuy có đề ra nhưng quá trình thực hiện không nhất quán thường bị chi phối bởi các mục tiêu ngắn hạn. Kế hoạch dài hạn là phải tập trung vào kết quả dự kiến cho tương lai nhưng nhiệm kỳ vừa qua chúng ta chưa làm tốt điều này. Tuy có nhiều lý do nhưng thực tế hoạt động đầu tư cho mục tiêu mở rộng và phát triển sản xuất chưa được triển khai nhiều, chưa đạt mục tiêu như mong muốn. Công tác này cần quan tâm đổi mới trong nhiệm kỳ tới.

✚ Công tác chăm sóc khách hàng còn yếu:

- Công tác quản lý và chăm sóc khách hàng trong thời gian qua còn buông lỏng, chưa làm tốt việc phân tích, kiểm tra đối với các khách hàng bất thường để đưa ra các giải pháp xử lý cho phù hợp.

- Cán bộ và công nhân viên làm công tác giao tiếp phục vụ khách hàng chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, chưa có kỹ năng để giải quyết công việc hiệu quả. Một số người còn có tư tưởng cửa quyền, chưa thấy được tầm quan trọng của khách hàng đối với sự tồn tại và phát triển của danh nghiệp.
- Công ty cũng chưa xây dựng được quy trình chăm sóc khách hàng. Còn lúng túng trong việc đưa ra các chính sách phù hợp để duy trì khách hàng hiện tại (đặc biệt là các khách hàng lớn), chưa tạo được sự hài lòng và tin tưởng từ phía khách hàng nên chưa có được khách hàng trung thành. Mặt khác cũng chưa tích cực tìm kiếm thu hút thêm khách hàng tiềm năng.

II) ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SXKD GIAI ĐOẠN 2020-2025

1) Nhận định tình hình:

- Biến đổi khí hậu trong những năm tới vẫn còn diễn biến phức tạp, mưa lũ và hạn hán còn tiếp tục xảy ra, nguồn nước ngày càng suy giảm cả về lưu lượng và chất lượng, nhất là nguồn nước ngầm. Các nguồn nước công suất nhỏ phân tán mà công ty đang khai thác sẽ dần phải được thay thế bằng các nguồn nước mặt khác có lưu lượng và chất lượng tốt hơn. An ninh cho nguồn nước cần được quan tâm nhiều hơn trước.
- Nhu cầu dùng nước của người dân nội thị trong tỉnh sẽ không tăng nhiều, muốn tăng sản lượng cần phải đầu tư mở rộng địa bàn phục vụ, cùng đó là phải bổ xung công suất các nhà máy và mạng lưới đường ống truyền tải và phân phối.
- Yêu cầu của người dân cũng như quy định quản lý của nhà nước đòi hỏi chất lượng nước và chất lượng dịch vụ ngày càng cao.

2) Mục tiêu chung:

- Đầu tư mở rộng phát triển sản xuất bền vững, đáp ứng nhu cầu nước sạch phục vụ tốt nhu cầu dân sinh và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.
- Phát huy mọi nguồn lực, sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo hài hòa lợi ích cho người lao động và quyền lợi của các cổ đông.
- Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, phấn đấu thực hiện các mục tiêu chương trình quốc gia đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt đó là:
 - o Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng CP)
 - o Chương trình quốc gia chống thất thu thất thoát đến năm 2025 (QĐ số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng CP)
 - o Tích cực triển khai công tác cấp nước an toàn theo thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ xây dựng.

3) Kế hoạch sản xuất:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và dự kiến tình hình sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo để xây dựng định hướng phát triển giai đoạn 2020-2025 như sau:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2021-2025

Các chỉ tiêu sản xuất

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH NĂM 2021	KH NĂM 2022	KH NĂM 2023	KH NĂM 2024	KH NĂM 2025
1.1	Sản lượng nước thương phẩm	m ³	10.647.000	10.754.000	10.861.000	10.968.000	11.077.000
1.2	Tỷ lệ thất thoát		10,00%	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
1.3	Khách hàng	ĐH	55.850	57.000	58.100	59.300	60.500
1.4	Điện tiêu hao (KWh/m ³ TP)		0,332	0,332	0,332	0,332	0,332
2	Doanh thu	đồng	124.003.000.000	125.192.000.000	126.381.000.000	127.570.000.000	128.782.000.000
2.1	Cấp nước	đồng	118.233.000.000	119.422.000.000	120.611.000.000	121.800.000.000	123.012.000.000
2.2	Lắp đặt nhỏ	"	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
2.3	Dịch vụ bôi trơn	"	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
	- Sản lượng	Vé	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
	- Doanh thu	"	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
2.4	Nước lọc tinh khiết	đồng	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
	Sản lượng nước lọc	bình	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000

Kế hoạch chỉ tiêu SXKD giai đoạn 2021 - 2025 phân đầu đạt như sau:

- Số hộ khách hàng mỗi năm tăng >2%.
- Sản lượng và doanh thu nước thương phẩm bình quân mỗi năm tăng >1,0%
- Kiểm soát thất thoát bền vững duy trì tỷ lệ <10%.
- Tỷ lệ dân nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2022 là 100%.
- Tỷ lệ dân ven nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2025 là 100%.
- Duy trì hoạt động SX nước uống tinh khiết và dịch vụ hồ bơi giữ được thị trường và ổn định doanh thu.

4) Kế hoạch tài chính:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2021-2025

Các chỉ tiêu kinh doanh

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH NĂM 2021	KH NĂM 2022	KH NĂM 2023	KH NĂM 2024	KH NĂM 2025
2	Doanh thu	đồng	124.003.000.000	125.192.000.000	126.381.000.000	127.570.000.000	128.782.000.000
3	Giá vốn	đồng	89.503.000.000	90.352.000.000	91.191.000.000	92.030.000.000	92.882.000.000
4	Lợi nhuận SXKD chính	đồng	34.500.000.000	34.840.000.000	35.190.000.000	35.540.000.000	35.900.000.000
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	17.200.000.000	17.540.000.000	17.890.000.000	18.240.000.000	18.600.000.000
8	Lợi nhuận sau thuế		15.136.000.000	15.435.200.000	15.743.200.000	16.051.200.000	16.368.000.000
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.514	1.544	1.574	1.605	1.637
	Cổ tức	đ	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
	Tỷ lệ cổ tức / vốn điều lệ	%	12,00%	12,00%	12,00%	12,00%	12,00%
	Vốn điều lệ		100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000

Kế hoạch chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt như sau:

- Doanh thu mỗi năm tăng >1% (trên cơ sở tăng sản lượng từ số khách hàng tăng thêm khi đầu tư mở rộng địa bàn)
- Lợi nhuận mỗi năm tăng >2% .
- Trích lập các quỹ > 25% lợi nhuận sau thuế, cần ưu tiên quỹ đầu tư phát triển.
- Phấn đấu tỷ lệ cổ tức từ 2021 trở đi là $\geq 12\%$.

5) Kế hoạch đầu tư:**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kinh phí khái toán	Ghi chú	Giai đoạn đầu tư
1	Dự án: Hệ thống cấp nước Chiềng Dong (Trạm xử lý 20.000m ³ /ng.đ) Giai đoạn 1 Nhà máy 10.000m ³ /ng.đ và tuyến ống truyền tải; Giai đoạn 2 nâng công suất 20.000m ³ /ng.đ	Đồng	64.500.000.000	Bao gồm nhà máy 10.000m ³ /ng.đ; Tuyến ống truyền tải D450 ra Quốc lộ 6 L=3.500m	2021
2	Dự án: Hệ thống cấp nước Văn Hồ (Công suất GD 1: 1.500m ³ /ng.đ - GD2: 3.000m ³ /ng.đ)	Đồng	44.300.000.000	Bao gồm cả chi phí mua lại hệ thống cấp nước cũ khoảng 5 tỷ đồng	2021
3	Dự án: Trụ sở văn phòng làm việc CNCN Thuận Châu	Đồng	2.500.000.000	Tiến độ phụ thuộc vào giao đất của UBND	2021
4	Dự án: Trụ sở văn phòng làm việc Công ty	Đồng	15.000.000.000		2021
5	Nâng cấp, cải tạo trạm xử lý nước Bệnh viện Mường La (Chi phí mua đất, chi phí phân xây dựng và chi phí thiết bị xử lý nước...)	Đồng	3.250.000.000	Diện tích đất mua thêm khoảng trên 110m ²	2021
6	Lắp đặt phát triển mở rộng hệ thống cấp nước vùng ven đô thị trên địa bàn thành phố và các huyện (Với tổng chiều dài tuyến ống là: L=55.000m)	Đồng	15.000.000.000	Đường kính ống bao gồm từ DN160mm - DN40mm	2021-2025
7	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D450mm từ nhà máy Hồ bản Mòng đi QL6-Ngã 3 Quyết Thắng (L=3.800m)	Đồng	18.050.000.000		2022
8	Nâng cấp, cải tạo trạm xử lý nước huyện Sốp Cộp (Hệ thống lọc áp lực...)	Đồng	1.350.000.000		2022
9	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm cấp 1 Yên Châu	Đồng	450.000.000		2023
10	Cải tạo, lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D225mm Sông Mã (L=1.500m)	Đồng	1.875.000.000		2024
11	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D315mm từ Nhà máy nước Hồ bản Mòng đi trường Đảng (L=3.400m)	Đồng	7.990.000.000		2025
12	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D315mm từ nhà máy nước Hồ bản Mòng đi đường Nguyễn Văn Linh (L=3.200m)	Đồng	7.520.000.000		2025
13	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm Chiềng Ngần (Bể chia nước sạch bằng BTCT 400m ³)	Đồng	1.000.000.000		2025
	Tổng cộng:		182.785.000.000		

- Khẩn trương đầu tư sớm các dự án phát triển nguồn, phát triển mạng mở rộng vùng phục vụ gắn với thực hiện chỉ tiêu cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân nội thị và vùng ven. Cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo tiếp nhận nguồn nước mới và đáp ứng tốt cho nhu cầu dùng nước của mọi đối tượng cũng là giảm tình trạng khai thác nước ngầm và sử dụng nguồn nước khác.
- Tiếp tục đầu tư ứng dụng công nghệ mới để cải tạo nâng cấp các khu xử lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc cho văn phòng Công ty và Chi nhánh Thuận Châu.

6) Giải pháp thực hiện:

a) Công tác tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. :

- Không ngừng cải tiến hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động để nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý từ đó có thể giảm chi phí và hạ giá thành.
- Phát triển nhân lực đi đôi với kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy. Tổ chức sắp xếp, bố trí lại lao động, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.
- Xây dựng và thực hiện chính sách cán bộ lãnh đạo linh hoạt và mềm dẻo, nâng cao chất lượng quản lý, làm tốt công tác quy hoạch cán bộ để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lâu dài.
- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại chỗ kết hợp tuyển chọn từ bên ngoài, coi trọng công tác đãi ngộ để thu hút và giữ chân những lao động chất lượng cao.

b) Công tác phát triển khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước:

- Tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý, vận hành và tái cấu trúc hợp lý hóa mạng lưới cấp nước. Nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện lưu lượng, áp lực nước, kéo dài thời gian cấp nước liên tục (Phấn đấu mục tiêu cấp nước 24h/ngày).
- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, kiểm soát, phân loại chi tiết từng đối tượng để tìm ra nguyên nhân giảm sản lượng cũng như đưa ra các giải pháp xử lý phù hợp.
- Ứng dụng công nghệ thông tin và đào tạo trang bị kiến thức và kỹ năng chăm sóc khách hàng cho cán bộ công nhân để cải thiện nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Xây dựng được quy trình chăm sóc khách hàng và chính sách ưu đãi khuyến khích các khách hàng lớn. Tích cực tìm kiếm để tiếp cận khai thác các khách hàng tiềm năng.

c) Công tác quản lý chất lượng nước và cấp nước an toàn:

- Xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Chủ động sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu, ô nhiễm nguồn nước. Đảm bảo cấp nước an toàn, thực hiện nghiêm túc các giải pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro đã đề ra.
- Đề nghị UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các ngành và địa phương tập trung giải quyết các vấn đề: Quy hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ các nguồn nước sinh hoạt để bảo vệ an toàn nguồn cấp nước. Triển khai hoàn thiện khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

d) Các giải pháp để tăng sản lượng nước:

- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, kiểm soát, phân loại chi tiết từng đối tượng để tìm ra nguyên nhân giảm sản lượng cũng như đưa ra các giải pháp xử lý phù hợp.
- Phát triển khách hàng, mở rộng địa bàn cấp nước ra các vùng ven đô thị.
- Đề nghị tỉnh sớm giao nhiệm vụ để các cơ quan quản lý và chính quyền địa phương triển khai thực hiện Nghị định 167/2018/NĐ-CP của CP về Quy định Hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm hạn chế tiến tới chấm dứt khoan giếng.
- Cân nhắc phương án thỏa thuận giá nước sạch theo cơ chế linh hoạt với các khách hàng lớn mua nước sạch theo nguyên tắc giá nước giảm tương ứng với lượng nước sử dụng tăng.

e) Công tác lao động và tiền lương

- Làm tốt công tác quản lý và sử dụng lao động trong toàn công ty, duy trì từ việc thực hiện các nội quy, quy định của công ty đến việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước quy định như Luật lao động, chế độ tiền lương, thưởng, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...
- Rà soát lại các định mức lao động, đơn giá khoán, áp dụng phù hợp với từng thời điểm và điều kiện sản xuất của từng đơn vị để đảm bảo bình đẳng và khuyến khích được người lao động gắn bó với công ty và nâng cao hiệu quả làm việc.
- Cải tiến quy chế tiền lương động viên khuyến khích được những cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đảm nhận và giải quyết những công việc quan trọng và đòi hỏi sự phức tạp khi thực hiện.
- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CBCNV phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

f) Công tác tài chính:

- Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ để các đơn vị thực hiện đúng pháp luật nhà nước và quy định của Công ty.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.
- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.
- Cải tiến nâng cao chất lượng của công tác kế toán quản trị nhằm đáp ứng các mục tiêu:
 - o Cung cấp các thông tin cần thiết để giúp lãnh đạo công ty điều hành hoạt động SX và có các quyết định kinh doanh hợp lý.
 - o Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.
 - o Huy động và sử dụng các nguồn vốn sao cho hợp lý, không cho phép mất cân đối tài chính.

Kính thưa đại hội

Trên đây là những đánh giá hoạt động SXKD nhiệm kỳ III (2015-2020) và phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch nhiệm kỳ IV (2020-2025). Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận :

- Các cổ đông CTy
- HĐQT - BKS
- Lưu : VT

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI VĂN ĐÌNH

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Của ứng cử viên tham gia vào HĐQT Công ty CP Cấp nước Sơn La

- 1- Họ và tên **NGUYỄN TRỌNG HIẾU**
- 2- Ngày sinh: 01/12/1973 Giới tính: Nam
- 3- Số CMND: 011896161, ngày cấp 03/07/2006, nơi cấp: Hà Nội
- 4- Hộ khẩu thường trú: số 11, ngõ 44, phố Đại La, phường
Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- 5- Chỗ ở hiện tại: số nhà 12A, ngõ 62, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Hà Nội
- 6- Điện thoại liên hệ: 0913.524.212
- 7- Trình độ văn hóa: 12/12
- 8- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh
- 9- Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân Anh văn
- 10- Chức vụ công tác hiện nay:
 - Tổng Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Việt Nam (VBIC)
 - Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Tài chính - Hội Cấp thoát nước Việt Nam



Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật.

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2015

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trọng Hiếu

Ảnh 4 x 6
(ảnh mẫu
mới nhất)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT)

- Họ và tên: Lương Thế Công Giới tính: Nam/Nữ: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/8/1964 Nơi sinh: Phường Chiềng an, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Chứng minh nhân dân số: 050228311; Ngày cấp: 28/6/2007; Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 03, ngõ 09, đường Nguyễn Trãi, tổ 6 Phường Quyết Thắng Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
- Số điện thoại liên lạc: 0912.456.267 Email: cluongensl@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La: Phó chủ tịch HĐQT.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần VBIC Sơn La.
- Số CP nắm giữ: 631.703 CP chiếm 10,17 % vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện UBND tỉnh Sơn La sở hữu: 620.963 CP
 - + Cá nhân sở hữu: 10.740 CP
- Các cam kết nắm giữ (nếu có):
- Danh sách người có liên quan của người khai*:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ
	Lương Phương Thảo	050747416 ngày 28/5/2008 nơi cấp Sơn La	3.096	Con gái
	Lương Tử Vinh	050409394 ngày 10/5/2017 nơi cấp Sơn La	3.740	Em trai
	Ngô Thị Thúy	050352652 ngày 21/3/2012 nơi cấp Sơn La	0	Vợ

Lương Thế Tân	050988649 ngày 11/02/2015 nơi cấp Sơn La	0	Con trai
Lương Thị Kim Thanh	014167000029 ngày 22/4/2016 nơi cấp Hà Nội	0	Em gái

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần ... (nếu có):

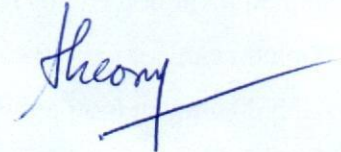
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần ... (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sơn La, ngày 23 tháng 11 năm 2020

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lương Thế Công

^{*}Người có liên quan theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006

Ảnh 4 x 6
(ảnh mẫu
mới nhất)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT, BKS)

- Họ và tên: Kim Ngọc Nhiệm Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/09/1960 Nơi sinh: Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân 050217496 Cấp ngày 19/03/2010 Tại Công an tỉnh Sơn La
- Địa chỉ thường trú: Số 120B, đường Chu Văn Thịnh, tổ 2, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
- Số điện thoại liên lạc: 0912 456 339 Email: nhiemkim@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần cấp nước Sơn La: Trưởng ban kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty cổ phần VBIC Sơn La.

11. Số CP nắm giữ: 10.740 chiếm 0,17 % vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:
- + Cá nhân sở hữu: 10.740

12. Các cam kết nắm giữ (nếu có):

13. Danh sách người có liên quan của người khai* :

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Thị Phương Loan	050346481 ngày 12/06/2013 nơi cấp Sơn La	9.740	Vợ

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần ... (nếu có):

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần ... (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sơn La, ngày 24 tháng 11 năm 2020

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



Kim Ngọc Nhiệm

*Người có liên quan theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006

Ảnh 4 x 6
(ảnh mẫu
mới nhất)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

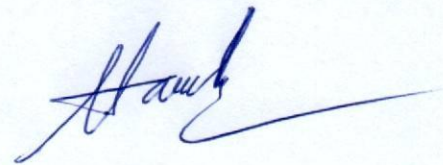
(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT, BKS)

- Họ và tên: Nguyễn Văn Bá Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/11/1963 Nơi sinh: Xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội
- Quốc tịch: Việt nam
- Số CMND: 050367435
Cấp ngày 15/8/2015 Tại Công an tỉnh Sơn La
- Địa chỉ thường trú: Tiểu khu 4 thị trấn Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- Số điện thoại liên lạc: 0914334068 Email: nguyen vanba.cnsl@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư đô thị chuyên ngành cấp, thoát nước
- Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần: Đại diện phần vốn nhà nước , Thành viên HĐQT phó tổng giám đốc Công ty.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Số CP nắm giữ: 632.073 cổ phần chiếm 10.18 % vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện Phần vốn nhà nước tại công ty 620.963 chiếm giữ 10%
 - + Cá nhân sở hữu: 11.110 chiếm giữ 0.18 %
- Các cam kết nắm giữ (nếu có):
- Danh sách người có liên quan của người khai*: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần ... (nếu có):
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần : không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sơn La, ngày 23 tháng 11 năm 2020

Người khai



Nguyễn Văn Bá

Ảnh 4 x 6
(ảnh mẫu
mới nhất)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT, BKS)

- Họ và tên: **Nguyễn Anh Việt** Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/04/1960 Nơi sinh: Nam Sơn, Đô Lương, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 040060000338 cấp ngày 16/06/2020 tại Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.
- Địa chỉ thường trú: BT10 số 262 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0913.203.112 Email: anhvietwaco@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư Xây dựng Đô thị, Cấp thoát nước
- Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nước sạch Hưng Yên.
- Số cổ phần nắm giữ: 815.551 cổ phần, chiếm 13,14% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Việt Nam (VBIC) sở hữu: 815.551 cổ phần.
 - + Cá nhân sở hữu: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
- Danh sách người có liên quan của người khai* :

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Thị Vinh		Không	Mẹ đẻ
2	Nguyễn Anh Nam	CMND số 012295940 do Công an Thành phố Hà Nội	Không	Em trai

		cấp ngày 22/02/2011		
3	Nguyễn Thị Lan Anh	CMND số 011967713 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/11/2010	Không	Em gái
4	Nguyễn Thanh Hùng	CMND số 012196290 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 04/04/2011	Không	Em trai
5	Trần Bích Thúy	CCCD số 001158010071 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG dân cư cấp ngày 25/04/2017	Không	Vợ
6	Nguyễn Việt Bảo	CCCD số 001089016111 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG dân cư cấp ngày 25/05/2017	Không	Con đẻ
7	Nguyễn Minh Nhật	CCCD số 001094012985 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG dân cư cấp ngày 25/04/2017	Không	Con đẻ

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (nếu có): Không

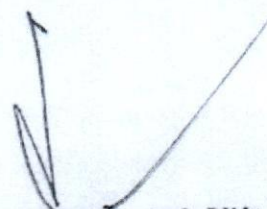
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (nếu có): Không.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sơn La, ngày 24 tháng 11 năm 2020

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Anh Việt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử bầu làm thành viên HĐQT, BKS)

1. Họ và tên: Lê Văn Tuấn.....Giới tính: Nam/Nữ.....
2. Ngày tháng năm sinh: 03/10/1972.....Nơi sinh: Thanh Hoá.....
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 038072000008Cấp ngày 12/04/2013....Tại Hà Nội.....
5. Địa chỉ thường trú: Tổ 19 phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
6. Số điện thoại liên lạc:090.320.3074Email: viwasetuan@yahoo.com.....
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sỹ môi trường, kỹ sư cấp thoát nước.....
9. Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần ... (nếu có): Thành viên HĐQT.....
10. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty CP Nước và Môi trường Việt Nam; Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Hoà Bình
11. Số CP nắm giữ: 0....., chiếm0% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:
- + Cá nhân sở hữu: 0
12. Các cam kết nắm giữ (nếu có): 0
13. Danh sách người có liên quan của người khai*:
14. Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La (nếu có): Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La (nếu có): Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sơn La, ngày 20 tháng 11 năm 2020

Người khai

Lê Văn Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử / để cử bầu làm thành viên HĐQT, BKS)

- 1- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN HỒNG** Giới tính: Nam
- 2- Ngày sinh: 08/01/1967 Nơi sinh: Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
- 3- Quốc tịch: Việt Nam
- 4- Số CMND: 011751556, ngày cấp 02/11/2006, tại Hà Nội
- 5- Địa chỉ thường trú: số 50, ngõ 105, tổ 45, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- 6- Số điện thoại liên lạc: 0903.431.838
- 7- Trình độ văn hóa: 12/12
- 8- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Doanh nghiệp
- 9- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP cấp nước Sơn La.
- 10- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Việt Nam (VBIC).
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vbic Sơn La.
- 11- Số CP nắm giữ 1.631.102 cổ phiếu Chiếm 26.27% vốn điều lệ, trong đó:
- + Đại diện cho Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Việt Nam (VBIC), sở hữu: 1.631.102 cổ phiếu
 - + Cá nhân sở hữu: 0
- 12- Các cam kết nắm giữ (nếu có).
- 13- Danh sách người có liên quan của người khai

STT	Tên cá nhân/ Tổ chức	CMTND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần...(nếu có)	Mối quan hệ
			Không	

- 14- Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần.....(nếu có)
- 15- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần..... (nếu có)

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2020

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Hồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử / đề cử bầu làm thành viên HĐQT, BKS)

- 1- Họ và tên: **LÊ THỊ NHA TRANG** Giới tính: Nữ
- 2- Ngày sinh: 20/12/1981 Nơi sinh: Nghĩa Đàn, Nghệ An
- 3- Quốc tịch: Việt Nam
- 4- Số CMND/CCCD: 040181000942 tại Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- 5- Địa chỉ thường trú: P714. CT36, Số 326, đường Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- 6- Số điện thoại liên lạc: 0936.171766 Email: trangall1@gmail.com
- 7- Trình độ văn hóa: 12/12
- 8- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- 9- Chức vụ công tác hiện nay: không
- 10- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Phụ trách kế toán Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Việt Nam (VBIC)
- 11- Số CP nắm giữ 0 cổ phần Chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện (tên pháp nhân) sở hữu:.....
 - + Cá nhân sở hữu:.....
- 12- Các cam kết nắm giữ (nếu có)
- 13- Danh sách người có liên quan của người khai

STT	Tên cá nhân/ Tổ chức	CMTND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần...(nếu có)	Mối quan hệ
			không	

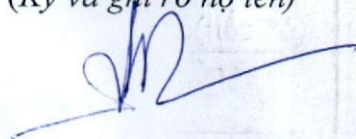
- 14- Lợi ích liên quan đối với Công ty cổ phần: không.
- 15- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty cổ phần: không.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2020

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Thị Nha Trang